

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 02 - 7 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, đòi tiền công làm thuê”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Lê D Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền công làm thuê”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 và số 02/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976;

Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1981;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1982.

Các đương sự cùng nơi cư trú tại ấp 1, xã PD, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Ông D và ông T vắng mặt tại phiên tòa; bà T1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2020 và ý kiến trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và bên bị đơn là vợ chồng ông Trần Xuân T, bà Trần Thị T1 là người cùng ấp 1, xã PD, huyện TP, tỉnh ĐN. Vào ngày 03 tháng 02 năm 2019 bên vợ chồng bị đơn thỏa thuận bằng lời nói về hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn, vợ chồng bị đơn đã nhận tiền vay là 35.000.000 đồng, hợp đồng vay tiền không tính lãi suất, thời hạn vay tiền là 03 tháng.

Từ ngày vay tiền đến nay, vợ chồng bị đơn chưa trả tiền vay nợ gốc với nguyên đơn.

Đến ngày 15 tháng 02 tháng 2019 vợ chồng bị đơn ông T, bà T1 có thỏa thuận bằng lời nói, thuê nguyên đơn làm thuê tại công trình của bị đơn quản lý tại tỉnh BP, hai bên thỏa thuận mỗi ngày bị đơn phải trả nguyên đơn 500.000 đồng, nguyên đơn

làm thuê từ thời điểm này đến ngày 31 tháng 10 năm 2019, bị đơn còn nhờ nguyên đơn mua hàng hóa 7.000.000 đồng. Đến nay vợ chồng bị đơn còn nợ nguyên đơn 28.150.000 đồng. Nguyên đơn đã yêu cầu vợ chồng bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn nợ nguyên đơn nhưng bên vợ chồng bị đơn không đồng ý trả tiền còn nợ nguyên đơn.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn gửi đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, rút yêu cầu khởi kiện về phần đòi tiền làm thuê, chỉ yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc là 35.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, theo ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Xuân T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau: Căn cứ nội dung bản tự khai, ý kiến trình bày của bên bị đơn tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vụ án thì vợ chồng bị đơn thừa nhận vào ngày 03 tháng 02 năm 2019 có vay tiền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), bên nguyên đơn không tính lãi suất tiền vay, cũng không có thỏa thuận thời hạn của hợp đồng vay tiền. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả ngay tiền vay nợ gốc thì bên vợ chồng bị đơn chưa có đủ tiền để trả nợ, đồng ý thanh toán tiền vay nhiều lần với nguyên đơn.

* Tại phiên tòa bà Trần Thị T1 là vợ bị đơn Trần Xuân T trình bày ý kiến: Vợ chồng bị đơn có vay tiền là 35.000.000 đồng của nguyên đơn để sử dụng vào nhu cầu của gia đình. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn D thì bên vợ chồng bị đơn đồng ý thanh toán tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng với nguyên đơn, nhưng sẽ trả tiền vay nhiều lần do bên bị đơn đang có khó khăn về kinh tế nên không thể trả đủ tiền một lần với nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Anh T vay tiền 35.000.000 đồng, đến nay anh T không trả tiền ông D, ông D yêu cầu anh T trả lại ông D tiền vay là 35.000.000 đồng.

Tiền công là 28.150.000 đồng. Ngày 23 tháng 6 năm 2020 anh D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh D đối với yêu cầu đã rút.

Áp dụng Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trần Xuân T, Trần Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền vay gốc là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) cho ông D.

Về án phí: Anh Trần Xuân T, chị Trần Thị T1 phải nộp án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

* Về tình tiết đã rõ, do đương sự hai bên thống nhất ý kiến, thừa nhận được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vợ chồng ông Trần Xuân T và bà Trần Thị T1 thừa nhận vào ngày 03 tháng 02 năm 2019 có vay tiền của ông Nguyễn Văn D là 35.000.000đ (ba

mười lăm triệu đồng), hợp đồng vay tài sản không tính lãi suất và đồng ý có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vay nợ gốc này với ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Xuân T có nơi cư trú tại ấp 1, xã PD, huyện TP, tỉnh DN. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án: Đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền làm thuê, tiền mua hàng hóa giúp bị đơn 28.150.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 351, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Văn D là người khởi kiện, ông Trần Xuân T là người bị kiện nên xác định ông D là nguyên đơn, ông T là bị đơn; bà Trần Thị T1 là vợ của ông T có liên quan về trách nhiệm liên đới của vợ chồng về quan hệ tài sản có tranh chấp trong vụ án nên bà T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông. Đối với bị đơn ông Trần Xuân T được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bà T1 và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của bà T1 và Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện, chứng cứ trong vụ án:

- Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có gửi đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền làm thuê mà bên bị đơn còn nợ nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng.

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án vợ chồng bị đơn ông T, bà T1 đều trình bày ý kiến: Đồng ý trả tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng nhiều lần đối với nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng bị đơn vay tài sản của nguyên đơn nhưng không trả tiền vay theo yêu cầu, thông báo của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy bị đơn đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng với quy định tại Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền vay nợ gốc trong hợp đồng, đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy: Ông T là chồng của bà T1 vắng mặt tại phiên tòa chỉ có bà T1 tham gia phiên tòa sơ thẩm. Qua ý kiến trình bày của bà T1 là phù hợp với ý kiến của ông

T trình bày trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa bà T1 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, vợ chồng bà cùng có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng đối với ông D.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án và chứng cứ của các bên cung cấp, chứng minh ý kiến trình bày của các bên đương sự về thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn trong hợp đồng vay tài sản ngày 03 tháng 02 năm 2019 là đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản.

Về trách nhiệm trả tiền vay: Nguyên đơn là người độc thân, vợ chồng bị đơn vay tiền của nguyên đơn với mục đích sử dụng vào lợi ích chung của gia đình vợ chồng bị đơn nên vợ chồng bị đơn phải cùng trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc đối với nguyên đơn là 35.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Giao dịch, hợp đồng giữa các đương sự được xác lập ngày 03 tháng 02 tháng 2019 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định pháp luật đã nhận định như trên và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ghi nhận ý kiến của vợ chồng bị đơn ông T, bà T1 đồng ý cùng có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc 35.000.000 đồng đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn D;

Nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền làm thuê mà bị đơn còn nợ 28.150.000 đồng. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vấn đề này theo quy định tại khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng bị đơn phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D về hợp đồng vay tài sản nêu trên và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về đòi tiền làm thuê của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D:

- Ông Trần Xuân T và bà Trần Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả tiền vay nợ gốc là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) đối với ông Nguyễn Văn D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự mà bên người phải thi hành án dân sự chưa tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về đòi tiền làm thuê.

2. Về án phí:

Ông Trần Xuân T và bà Trần Thị T1 phải liên đới chịu 1.750.000đ (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.579.000đ (một triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005774 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Trần Thị T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Cc Thi hành án dân sự Tân Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính